



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 37
8. Phụ lục 01	38
9. Phụ lục 02	39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty Điện nước An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600249791, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 3 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 31 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : (0296) 3.856.100
- Fax : (0296) 3.857.800

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng – thị trấn Nhà Bàng – huyện Tịnh Biên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành	Quốc lộ 91 – thị trấn An Châu – huyện Châu Thành – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân	Áp Thượng 3 – thị trấn Phú Mỹ – huyện Phú Tân – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu	Khóm Long Hưng – thị xã Tân Châu – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú	Áp 4 – thị trấn An Phú – huyện An Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn	Áp Bắc Sơn – thị trấn Núi Sập – huyện Thoại Sơn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Châu Đốc	01 Quang Trung – phường Châu Phú A – thị xã Châu Đốc – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn	Áp Tô Thủy – xã Núi Tô – huyện Tri Tôn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên	31/1 Trần Hưng Đạo – phường Mỹ Xuyên – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới	Áp Long Hòa – thị trấn Chợ Mới – huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú	Áp Vĩnh Phú – xã Vĩnh Thạnh Trung – huyện Châu Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Xây lắp Điện nước	Quốc lộ 91 – phường Bình Đức – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phân phối, truyền tải điện;
- Kinh doanh khách sạn;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình giao thông;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất phân phối nước sạch; khai thác và sản xuất nước khoáng;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nông sản; mua bán lương thực;
- Bán buôn thực phẩm;
- Chế biến thủy sản;
- Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng đường dây điện; xây dựng trạm bơm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt đường dây trung thế từ 15 – 35 KV và đường dây hạ thế, trạm biến áp từ 15 – 3.000 KVA; lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; lắp đặt điện trong nhà;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng khách sạn; đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí; kinh doanh các khu vui chơi giải trí; đầu tư xây dựng nhà hàng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Văn Bạ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Thành Bửu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Thanh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Lâm Thành Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Nhất Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Đặng Chánh Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Châu Minh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Việt Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Lê Thành Bửu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Lê Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Văn Bạ – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:


- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 



Lương Văn Bạ
Chủ tịch

Ngày 05 tháng 3 năm 2021

Số: 4.0059/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

Nguyễn Hữu Nghi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 05 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		353.383.702.979	395.237.253.865
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70.892.363.426	122.868.776.332
1. Tiền	111		12.892.363.426	34.760.788.202
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.000.000.000	88.107.988.130
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.840.000.000	42.593.609.238
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	43.840.000.000	42.593.609.238
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.599.618.194	175.026.132.715
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	140.382.736.943	155.070.143.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.463.479.611	14.652.542.101
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.753.401.640	5.295.940.752
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	7.506.612
IV. Hàng tồn kho	140		42.382.820.121	43.937.188.154
1. Hàng tồn kho	141	V.6	42.382.820.121	43.937.188.154
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.668.901.238	10.811.547.426
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	13.871.114.341	10.811.547.426
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.797.786.897	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.118.427.510.874	2.031.037.807.154
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		775.691.060.590	766.406.149.227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	758.883.585.555	749.428.905.109
- Nguyên giá	222		1.575.052.831.668	1.481.950.145.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(816.169.246.113)	(732.521.240.460)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	16.807.475.035	16.977.244.118
- Nguyên giá	228		17.657.354.100	17.657.354.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(849.879.065)	(680.109.982)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		233.107.088.522	1.173.844.697.071
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	233.107.088.522	1.173.844.697.071
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.084.040.000	2.084.040.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	84.040.000	84.040.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	4.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		105.545.321.762	88.702.920.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	105.545.321.762	88.702.920.856
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.471.811.213.853	2.426.275.061.019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		679.522.191.617	663.290.202.383
I. Nợ ngắn hạn	310		259.824.462.738	357.922.864.343
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	36.835.797.670	53.942.578.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.421.448.657	28.217.129.804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.324.666.266	31.126.330.644
4. Phải trả người lao động	314	V.14	16.370.712.224	23.075.959.055
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	52.348.587.865	76.017.427.593
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	56.760.071.505	61.901.692.434
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	59.443.263.580	64.599.380.863
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	24.319.914.971	19.042.365.069
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		419.697.728.879	305.367.338.040
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	127.180.292.365	124.994.910.753
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	282.780.927.627	171.401.414.230
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	9.036.508.887	8.071.013.057
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	700.000.000	900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

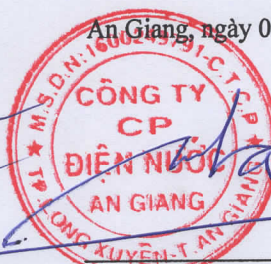
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		792.289.022.236	1.762.984.858.636
I. Vốn chủ sở hữu	410		792.289.022.236	1.762.984.858.636
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	536.474.450.000	510.929.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		536.474.450.000	510.929.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	91.307.089.232	77.220.728.139
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	118.417.839.017	110.825.462.067
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34.220.003.067	110.825.462.067
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		84.197.835.950	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.21a	46.089.643.987	1.064.008.678.430
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.471.811.213.853	2.426.275.061.019



An Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2021

Trần Việt Hải
Người lập

Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

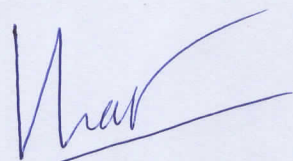
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.846.071.149.143	1.722.815.431.058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.846.071.149.143	1.722.815.431.058
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.499.155.476.472	1.387.283.647.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		346.915.672.671	335.531.783.867
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.137.579.625	4.119.357.832
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.011.474.245	15.388.559.343
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.011.474.245	15.388.559.343
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	140.308.911.871	132.160.392.740
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	64.554.746.761	51.361.686.227
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		134.178.119.419	140.740.503.389
11. Thu nhập khác	31	VI.7	28.173.055.012	8.897.882.761
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.133.093.270	1.250.969.368
13. Lợi nhuận khác	40		26.039.961.742	7.646.913.393
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		160.218.081.161	148.387.416.782
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	31.379.879.032	28.606.475.579
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	780.374.013	959.496.818
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>128.057.828.116</u>	<u>118.821.444.385</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>1.832</u>	<u>1.853</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>1.832</u>	<u>1.853</u>

An Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2021


Trần Việt Hải
Người lập

Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởngLương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		160.218.081.161	148.387.416.782
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	85.291.202.331	86.302.513.299
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(8.889.202.033)	(3.997.974.999)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.011.474.245	15.388.559.343
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(200.000.000)	(600.000.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		250.431.555.704	245.480.514.425
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.256.447.431)	(9.454.459.068)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.318.836.757	(1.614.185.882)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		19.341.131.870	96.686.216.655
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19.901.967.821)	3.736.328.627
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.462.485.623)	(17.265.903.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(53.815.061.032)	(25.019.374.868)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(24.464.081.171)	(21.643.752.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		151.191.481.253	270.905.383.444
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10	(284.523.118.417)	(119.297.923.958)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		23.511.500.000	66.393.064
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		22.286.109.278	(71.862.445.591)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(25.532.500.040)	51.329.639.053
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.931.768.906	3.815.599.924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(258.326.240.273)	(135.948.737.508)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

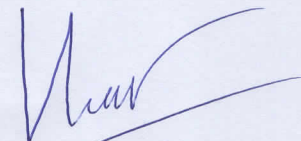
BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a, b	194.098.345.140	57.698.604.069
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a, b	(87.874.949.026)	(90.048.660.746)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21d	(51.065.050.000)	(48.469.259.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		55.158.346.114	(80.819.315.877)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(51.976.412.906)	54.137.330.059
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	122.868.776.332	68.731.446.273
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	70.892.363.426	122.868.776.332

An Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2021


Trần Việt Hải
Người lập


Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Phân phối, truyền tải điện; Sản xuất phân phối nước sạch; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị

Địa chỉ

Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng – thị trấn Nhà Bàng – huyện Tịnh Biên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành	Quốc lộ 91 – thị trấn An Châu – huyện Châu Thành – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân	Áp Thượng 3 – thị trấn Phú Mỹ – huyện Phú Tân – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu	Khóm Long Hưng – thị xã Tân Châu – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú	Áp 4 – thị trấn An Phú – huyện An Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn	Áp Bắc Sơn – thị trấn Núi Sập – huyện Thoại Sơn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Châu Đốc	01 Quang Trung – phường Châu Phú A – thị xã Châu Đốc – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn	Áp Tô Thủy – xã Núi Tô – huyện Tri Tôn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên	31/1 Trần Hưng Đạo – phường Mỹ Xuyên – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới	Áp Long Hòa – thị trấn Chợ Mới – huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú	Áp Vĩnh Phú – xã Vĩnh Thạnh Trung – huyện Châu Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Xây lắp Điện nước	Quốc lộ 91 – phường Bình Đức – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.339 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.376 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế, chi phí cải tạo sửa chữa lớn và chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế

Chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí cải tạo sửa chữa lớn

Chi phí cải tạo sửa chữa lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê

Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với số năm sử dụng đất.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được hạch toán vào chi phí.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	42.579.480	23.656.958
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.849.783.946	34.737.131.244
Các khoản tương đương tiền	58.000.000.000	88.107.988.130
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	58.000.000.000	88.107.988.130
Cộng	70.892.363.426	122.868.776.332

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	43.840.000.000	43.840.000.000	42.593.609.238	42.593.609.238
Tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng	43.840.000.000	43.840.000.000	42.593.609.238	42.593.609.238
Dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm	4.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	47.840.000.000	47.840.000.000	44.593.609.238	44.593.609.238

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường ⁽ⁱ⁾	84.040.000	-	171.000.000	84.040.000	-	235.500.000
Cộng	84.040.000	-	171.000.000	84.040.000	-	235.500.000

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường 10.000 cổ phiếu, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Phải thu tiền điện	85.932.128.309	102.559.047.061
Phải thu tiền nước	37.945.157.641	32.813.082.257
Phải thu tiền điện kế, vật tư điện	10.805.053.296	9.939.048.390
Phải thu tiền thủy kế, vật tư nước	4.441.186.952	5.200.836.856
Phải thu khác	1.259.210.745	4.558.128.686
Cộng	<u>140.382.736.943</u>	<u>155.070.143.250</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Đại Phú Thịnh	-	7.702.882.000
Công ty Cổ phần Tự động Công nghiệp OMINA	-	1.650.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Thiết bị Ngành Nước	5.775.462.350	2.094.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Trương Nguyệt	3.072.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	19.616.017.261	3.205.660.101
Cộng	<u>28.463.479.611</u>	<u>14.652.542.101</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Kho bạc Nhà nước An Giang - Chi phí quản lý dự án	772.811.384	-	33.655.490	-
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm	1.129.120.274	-	1.014.295.329	-
Phải thu người lao động - tiền thuế TNCN, BHXH, BHYT	967.405.458	-	907.049.997	-
Tạm ứng	3.785.520.712	-	2.723.548.158	-
Các khoản phải thu khác	1.098.543.812	-	617.391.778	-
Cộng	<u>7.753.401.640</u>	<u>-</u>	<u>5.295.940.752</u>	<u>-</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.753.012.628	-	3.070.039.146	-
Công cụ, dụng cụ	323.623.455	-	315.340.255	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	183.643.357	-	538.724.770	-
Thành phẩm	8.583.278.627	-	12.048.962.661	-
Hàng hóa	24.571.618.230	-	23.745.183.105	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi đi bán	4.967.643.824	-	4.218.938.217	-
Cộng	42.382.820.121	-	43.937.188.154	-

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.852.617.295	862.385.504
Chi phí vật tư sửa chữa thay thế	9.970.227.293	9.731.927.639
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	48.269.753	217.234.283
Cộng	13.871.114.341	10.811.547.426

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lắp đặt điện kế	42.692.084.861	40.676.814.406
Chi phí lắp đặt thủy kế	50.676.744.729	43.107.841.329
Chi phí cải tạo sửa chữa lớn	3.676.589.316	434.813.319
Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê	4.521.147.172	4.483.451.802
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.978.755.684	-
Cộng	105.545.321.762	88.702.920.856

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	190.027.837.037	1.287.379.642.846	2.295.715.886	2.246.949.800	1.481.950.145.569
Mua trong năm	125.500.000	68.229.332.212	32.176.000	1.283.983.636	69.670.991.848
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	25.669.590.570	-	-	25.669.590.570
Tăng do phân loại lại	-	1.388.936.514	50.000.000	-	1.438.936.514
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Giảm do kết chuyển sang hàng hóa	-	(2.187.896.319)	-	-	(2.187.896.319)
Giảm do phân loại lại	(261.361.003)	(1.123.575.511)	(54.000.000)	-	(1.438.936.514)
Số cuối năm	189.891.976.034	1.379.356.030.312	2.273.891.886	3.530.933.436	1.575.052.831.668
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.467.199.534	216.951.423.720	1.493.521.338	1.261.349.318	233.173.493.910
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	90.933.137.265	638.124.296.628	1.574.519.608	1.889.286.959	732.521.240.460
Khấu hao trong năm	8.113.913.060	76.753.808.233	95.412.607	158.299.348	85.121.433.248
Tăng do phân loại lại	-	891.579.360	50.000.000	-	941.579.360
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Giảm do kết chuyển	-	(1.052.552.578)	-	-	(1.052.552.578)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
sang hàng hóa					
Giảm do điều chỉnh chênh lệch khấu hao	-	(370.875.017)	-	-	(370.875.017)
Giảm do phân loại lại	(221.187.159)	(666.392.201)	(54.000.000)		(941.579.360)
Số cuối năm	98.825.863.166	713.679.864.425	1.615.932.215	2.047.586.307	816.169.246.113
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	99.094.699.772	649.255.346.218	721.196.278	357.662.841	749.428.905.109
Số cuối năm	91.066.112.868	665.676.165.887	657.959.671	1.483.347.129	758.883.585.555

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 225.852.625.271 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.17b).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.638.654.100	1.018.700.000	17.657.354.100
Số cuối năm	16.638.654.100	1.018.700.000	17.657.354.100
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	189.900.000	189.900.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	680.109.982	680.109.982
Khấu hao trong năm	-	169.769.083	169.769.083
Số cuối năm	-	849.879.065	849.879.065
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.638.654.100	338.590.018	16.977.244.118
Số cuối năm	16.638.654.100	168.820.935	16.807.475.035

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân TP. Long Xuyên	Thanh lý, nhượng bán	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang						
- Công trình hệ thống thoát nước & xử lý nước thải TP. Long Xuyên	1.071.683.509.958	37.567.742.772	-	(1.109.251.252.730)	-	-
- Công trình hệ thống cấp nước Vàm Cống TP. Long Xuyên	54.142.708.635	32.566.603.833	-	-	-	86.709.312.468
- Công trình xây dựng tuyến ống cấp I D500	-	36.662.100.272	-	-	-	36.662.100.272

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Bản giao lại cho Ủy ban nhân dân TP. Long Xuyên	Thanh lý, nhượng bán	Số cuối năm
<i>Nhà máy nước Vàm Cống TP. Long Xuyên</i>						
- Công trình di dời nhà máy nước TP. Châu Đốc	330.726.001	61.511.385.514		-	-	61.842.111.515
Các công trình khác	47.687.752.477	46.544.294.178	(25.669.590.570)		(20.668.891.818)	47.893.564.267
Cộng	1.173.844.697.071	214.852.126.569	(25.669.590.570)	(1.109.251.252.730)	(20.668.891.818)	233.107.088.522

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Xây lắp Điện nước Thanh Bình	1.710.212.861	5.707.754.704
Công ty TNHH Kumho Industrial	-	18.241.708.240
Các nhà cung cấp khác	35.125.584.809	29.993.115.937
Cộng	36.835.797.670	53.942.578.881

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Trần Văn Ích (Đặt cọc mua nền)	3.037.306.885	1.037.306.885
Công ty TNHH Tân Phúc Hồng (Đặt cọc mua nền)	-	12.000.000.000
Ông Trần Minh Trung (Đặt cọc mua nền)	765.272.727	765.272.727
Ông Bùi Phước Anh Tài (Đặt cọc mua nền)	-	1.039.090.909
Các khách hàng khác	2.618.869.045	13.375.459.283
Cộng	6.421.448.657	28.217.129.804

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước bán cho Khu công nghiệp của huyện Châu Thành	0%
- Nước sinh hoạt	5%
- Lắp đặt, cải tạo điện kế, bán vật tư điện, ...	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	160.218.081.161	148.387.416.782
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	42.321.940.254	37.838.689.327
- Các khoản điều chỉnh giảm	(45.640.626.253)	(42.155.292.424)
Thu nhập chịu thuế	156.899.395.162	144.070.813.685
Thu nhập được miễn thuế	(20.000.000)	(20.000.000)
Thu nhập tính thuế	156.879.395.162	144.050.813.685
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	31.375.879.032	28.810.162.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	4.000.000	14.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(217.687.158)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	31.379.879.032	28.606.475.579

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế như sau:

- Nước mặt: 4.000 VND/m³ hoặc 5.500 VND/m³ với thuế suất 1%;
- Nước dưới đất: 5.500 VND/m³ với thuế suất là 5%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	898.867.562	653.093.311
Chi phí tiền điện phải trả	51.449.720.303	72.340.041.857
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	3.024.292.425
Cộng	<u>52.348.587.865</u>	<u>76.017.427.593</u>

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	185.049.465	185.049.465
Kinh phí công đoàn	544.807.281	483.235.801
Bảo hiểm xã hội	1.949.147	1.949.147
Bảo hiểm y tế	4.821.878	4.821.878
Lãi vay phải trả	7.635.536.341	9.332.321.970
Cổ tức phải trả	128.355.650	100.406.650
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng TP. Châu Đốc - bồi hoàn di dời nhà máy nước Châu Đốc	-	17.000.000.000
Lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước ⁽¹⁾	8.966.000.000	8.966.000.000
Phải trả về tiền bán cổ phần vốn Nhà nước	408.102.582	408.102.582
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	38.885.449.161	25.419.804.941
Cộng	<u>56.760.071.505</u>	<u>61.901.692.434</u>

⁽¹⁾ Khoản tiền lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước theo Công văn số 1196/STC-TCĐN ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Sở Tài chính tỉnh An Giang “V/v chậm nộp tiền cổ tức phần vốn Nhà nước đầu tư tại Doanh nghiệp”.

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả Ngân sách Nhà nước ⁽¹⁾	127.180.292.365	124.994.910.753
Cộng	<u>127.180.292.365</u>	<u>124.994.910.753</u>

⁽¹⁾ Phải trả vốn Nhà nước cấp sau cổ phần hóa theo Công văn số 2283/UBND-KTTH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang “V/v xử lý phần vốn Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Điện nước An Giang sau cổ phần hóa”.

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.682.992.396	6.406.295.599
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽¹⁾	9.682.992.396	6.406.295.599

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b)	49.760.271.184	58.193.085.264
Cộng	59.443.263.580	64.599.380.863

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 mỗi tháng, với hạn mức 10.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.406.295.599	19.606.117.946	-	(16.329.421.149)	9.682.992.396
Vay dài hạn đến hạn trả	58.193.085.264	-	49.761.271.184	(58.194.085.264)	49.760.271.184
Cộng	64.599.380.863	19.606.117.946	49.761.271.184	(74.523.506.413)	59.443.263.580

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả tổ chức khác		
Vay dài hạn ngân hàng	282.780.927.627	171.009.414.230
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	223.847.738.034	97.871.392.469
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ ADB ⁽ⁱⁱ⁾	24.222.912.593	31.143.744.761
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ AFD ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.710.277.000	41.994.277.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	392.000.000
- Vay Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh An Giang	-	392.000.000
Cộng	282.780.927.627	171.401.414.230

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của các Dự án với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn từ 48 tháng đến 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản (xem thuyết minh V.8) và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay vốn từ ADB thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Nhà máy nước Long Xuyên với lãi suất ở mức 5%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 25 năm (từ năm 2000 đến năm 2025). Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay vốn từ AFD thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: "Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú" với lãi suất trong hạn ở mức 0,3%/năm, lãi suất quá hạn ở mức 7,5%/năm, thời hạn vay là 180 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất của dự án Hệ thống cấp nước Thị trấn An Phú.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	49.760.271.184	58.193.085.264
Trên 01 năm đến 05 năm	215.092.927.627	122.132.721.141
Trên 05 năm	67.688.000.000	49.268.693.089
Cộng	<u>332.541.198.811</u>	<u>229.594.499.494</u>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	171.009.414.230	174.492.227.194	(13.351.442.613)	(49.369.271.184)	282.780.927.627
Vay dài hạn các tổ chức khác	392.000.000	-	-	(392.000.000)	-
Cộng	<u>171.401.414.230</u>	<u>174.492.227.194</u>	<u>(13.351.442.613)</u>	<u>(49.761.271.184)</u>	<u>282.780.927.627</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	12.538.150.682	23.439.704.858	(21.307.877.334)	14.669.978.206
Quỹ phúc lợi	6.215.704.783	5.859.926.215	(2.749.931.962)	9.325.699.036
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	288.509.604	442.000.000	(406.271.875)	324.237.729
Cộng	<u>19.042.365.069</u>	<u>29.741.631.073</u>	<u>(24.464.081.171)</u>	<u>24.319.914.971</u>

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.347.751.237	7.320.101.692
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	780.374.013	959.496.818
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(91.616.363)	(208.585.453)
Số cuối năm	<u>9.036.508.887</u>	<u>8.071.013.057</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	900.000.000	1.500.000.000
Trích lập quỹ trong năm	-	100.000.000
Hoàn nhập quỹ trong năm	(200.000.000)	(700.000.000)
Số cuối năm	<u>700.000.000</u>	<u>900.000.000</u>

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	470.616.450.000	448.206.150.000
Các cổ đông khác	65.858.000.000	62.723.840.000
Cộng	<u>536.474.450.000</u>	<u>510.929.990.000</u>

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 20:1 (cổ đông hiện hữu sở hữu 20 cổ phần được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 25.546.499.500 VND. Ngày 31 tháng 10 năm 2020 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 536.474.450.000 VND.

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53.647.445	51.092.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53.647.445	51.092.999
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	53.647.445	51.092.999
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	53.647.445	51.092.999
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	53.647.445	51.092.999
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	VND
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (10%/Vốn điều lệ)	: 51.092.999.000
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông (05%/Vốn điều lệ)	: 25.546.499.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển (11% lợi nhuận sau thuế)	: 13.070.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (19,88% lợi nhuận sau thuế)	: 23.622.000.000
• Thưởng Ban điều hành, quản lý (0,39% lợi nhuận sau thuế)	: 468.000.000

Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 29.299.631.073
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 14.086.361.093
• Thưởng Ban điều hành, quản lý	: 474.000.000
Cộng	43.859.992.166

Ngoài ra, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi cổ tức	51.065.050.000	48.469.259.200

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh điện	1.391.612.695.403	1.307.072.105.517
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	427.199.472.308	396.996.096.795
Doanh thu bán vật tư	10.219.688.430	10.398.783.308
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	12.884.093.992	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.155.199.010	8.348.445.438
Cộng	1.846.071.149.143	1.722.815.431.058

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh điện	1.140.640.936.505	1.078.586.529.359
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt	345.923.586.903	295.760.073.020
Giá vốn vật tư	8.406.766.013	8.798.118.645
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán	3.465.684.034	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	718.503.017	4.138.926.167
Cộng	1.499.155.476.472	1.387.283.647.191

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.867.343.851	3.756.331.935
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	90.985.774	187.775.897
Cổ tức được chia	20.000.000	20.000.000
Lãi đầu tư trái phiếu	159.250.000	155.250.000
Cộng	<u>6.137.579.625</u>	<u>4.119.357.832</u>

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay Ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	85.048.319.539	76.290.897.792
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25.910.397.016	25.418.480.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.281.578.138	21.793.995.814
Các chi phí khác	9.068.617.178	8.657.018.866
Cộng	<u>140.308.911.871</u>	<u>132.160.392.740</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.315.741.504	20.325.531.983
Chi phí vật liệu quản lý	18.729.608.282	14.953.936.395
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.709.377.132	1.312.886.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	823.162.482	846.458.797
Thuế, phí và lệ phí	15.000.000	15.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	777.886.115	743.069.818
Các chi phí khác	20.183.971.246	13.164.802.984
Cộng	<u>64.554.746.761</u>	<u>51.361.686.227</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.842.608.182	66.393.064
Thu nhập từ cho thuê trụ	2.003.919.820	1.703.010.600
Phí Bảo vệ môi trường giữ lại 5%	1.640.015.101	929.529.040
Thu nhập từ thu hồi hàng hóa hư hỏng	806.338.162	492.884.572
Thu bồi hoàn đường dây, tuyến ống	17.552.088.000	1.293.608.000
Thu nhập từ thanh lý vật tư	1.327.992.725	1.661.347.733
Thu nhập từ giảm tiền thuê đất phải nộp Nhà nước	-	1.395.589.829
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	200.000.000	700.000.000
Thu nhập từ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên	1.083.936.000	-
Thu nhập khác	716.157.022	655.519.923
Cộng	<u>28.173.055.012</u>	<u>8.897.882.761</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bồi thường, hỗ trợ di dời	522.865.531	443.273.409
Thuế bị phạt, bị truy thu	7.312.850	16.794.210
Chi phí thanh lý vật tư	296.732.552	638.268.643
Chi phí khấu hao năm trước	159.334.980	-
Chi phí quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên	1.052.967.000	-
Chi phí khác	93.880.357	152.633.106
Cộng	<u>2.133.093.270</u>	<u>1.250.969.368</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	780.374.013	959.496.818
Cộng	<u>780.374.013</u>	<u>959.496.818</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	128.057.828.116	118.821.444.385
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(29.299.631.073)	(23.621.703.144)
Trích thưởng Ban điều hành, quản lý ^(*)	(474.000.000)	(500.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	98.284.197.043	94.699.741.241
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	53.647.445	51.092.999
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.832</u>	<u>1.853</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	51.092.999	48.660.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	2.554.446	2.432.999
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>53.647.445</u>	<u>51.092.999</u>

^(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành, quản lý năm nay được tạm tính theo tỷ lệ của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020.**10b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.675.111.350	181.476.243.088
Chi phí nhân công	182.125.534.414	165.683.884.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.291.202.331	86.302.513.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.077.648.240	22.691.553.203
Chi phí khác	41.500.285.197	27.160.198.645
Cộng	<u>551.669.781.532</u>	<u>483.314.392.572</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	3.168.789.840	3.126.779.026
Phụ cấp, thù lao	44.400.000	44.400.000
Cộng	<u>3.213.189.840</u>	<u>3.171.179.026</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện, cung cấp nước sinh hoạt. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán vật tư và bất động sản... doanh thu từ các hoạt động khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm 2020 chiếm tỷ trọng khoảng 01%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2021

Trần Việt Hải
Người lập

Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	453.267.279	-	8.257.928.548	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.538.322.852	-	31.379.879.032	-	6.103.140.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản	276.738.180	-	57.912.727	-	91.616.363
Thuế thu nhập cá nhân	78.485.432	-	863.739.683	-	87.191.569
Thuế tài nguyên	362.976.955	-	6.409.754.458	-	372.310.230
Thuế nhà đất	-	-	82.094.690	-	-
Tiền thuế đất	-	-	5.444.562.466	-	-
Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.416.539.946	-	9.835.995.111	-	670.407.252
Cộng	31.126.330.644	-	62.346.866.715	(243.034.544)	7.324.666.266

Phát sinh trong năm	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp
	8.257.928.548	(8.711.195.827)	8.257.928.548	(8.711.195.827)
	31.379.879.032	(53.815.061.032)	31.379.879.032	(53.815.061.032)
	57.912.727	-	57.912.727	-
	863.739.683	(855.033.546)	863.739.683	(855.033.546)
	6.409.754.458	(6.400.421.183)	6.409.754.458	(6.400.421.183)
	82.094.690	(82.094.690)	82.094.690	(82.094.690)
	5.444.562.466	(5.444.562.466)	5.444.562.466	(5.444.562.466)
	15.000.000	(15.000.000)	15.000.000	(15.000.000)
	9.835.995.111	(10.582.127.805)	9.835.995.111	(10.582.127.805)
	62.346.866.715	(85.905.496.549)	62.346.866.715	(85.905.496.549)


(*) Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho hoạt động bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm.

M.S.D.N.160024976 An Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2021


Trần Việt Hải
 Người lập


Trương Văn Nghiệp
 Kế toán trưởng




Lương Văn Bạ
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	486.600.000.000	64.150.369.257	102.212.069.708	1.295.020.574.199	1.947.983.013.164
Tăng trong năm trước	-	-	-	50.645.814.220	50.645.814.220
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	24.329.990.000	-	(24.329.990.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	118.821.444.385	-	118.821.444.385
Trích lập các quỹ	-	13.070.358.882	(37.218.062.026)	-	(24.147.703.144)
Chia cổ tức	-	-	(48.660.000.000)	-	(48.660.000.000)
Giảm trong năm trước	-	-	-	(281.657.709.989)	(281.657.709.989)
Số dư cuối năm trước	510.929.990.000	77.220.728.139	110.825.462.067	1.064.008.678.430	1.762.984.858.636
Số dư đầu năm nay	510.929.990.000	77.220.728.139	110.825.462.067	1.064.008.678.430	1.762.984.858.636
Tăng trong năm nay	-	-	-	92.979.388.650	92.979.388.650
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	25.544.460.000	-	(25.544.460.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	128.057.828.116	-	128.057.828.116
Trích lập các quỹ	-	14.086.361.093	(43.827.992.166)	-	(29.741.631.073)
Chia cổ tức	-	-	(51.092.999.000)	-	(51.092.999.000)
Giảm trong năm nay (*)	-	-	-	(1.110.898.423.093)	(1.110.898.423.093)
Số dư cuối năm nay	536.474.450.000	91.307.089.232	118.417.839.017	46.089.643.987	792.289.022.236

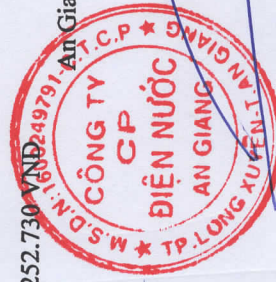
(*): Trong đó giảm do bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên với số tiền là 1.109.251.252.730 VND theo Biên bản bàn giao giữa Công ty và Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên ngày 21/4/2020.




Trần Việt Hải
Người lập



Trương Văn Nghiệp
Kế toán trưởng




Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị